

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

## CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1993.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300590663, thay đổi lần thứ 32 ngày 24 tháng 11 năm 2016, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Bảo Toàn	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2016)
	Ông Nguyễn Ngọc Trường Chinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Ông Quan Minh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Ông Lưu Minh Thiện	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Ông Nguyễn Khánh Linh	Phó Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016)
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên (Từ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên (Từ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)
	Bà Phạm Thị Hoài Thơ	Thành viên (Từ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)
<b>Ban kiểm soát</b>	Bà Ngụy Thùy Trang	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên
	Ông Trần Cao Long	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đoàn Ngọc Quang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2016)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2016)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Đoàn Ngọc Quang	Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

## CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, Tổng Giám đốc phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.



Đoàn Ngọc Quang  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 4 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 14 tháng 4 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

### Vấn đề khác

Tập đoàn không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do tại ngày này, Tập đoàn đã thoái vốn toàn bộ khỏi một công ty con duy nhất (Thuyết minh 2.1). Theo đó, số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được trình bày tương ứng, chưa được kiểm toán.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Mai Viết Hùng Trân  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2016-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Đào Quang Huy  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1895-2016-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6208  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>517.004.531.596</b>	<b>586.562.171.463</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.051.082.407</b>	<b>14.332.533.838</b>
111	Tiền		4.684.196.622	13.990.504.792
112	Các khoản tương đương tiền		4.366.885.785	342.029.046
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>223.954.956.464</b>	<b>1.660.464</b>
121	Chứng khoán kinh doanh	5	224.223.114.264	1.660.464
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(268.157.800)	-
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>243.293.147.708</b>	<b>531.699.454.938</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	36.895.809.582	20.843.927.443
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	105.037.487.352	391.614.552.964
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		2.103.621.690	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8(a)	9.568.750.000	19.286.338.606
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	97.914.481.862	109.110.756.487
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(8.227.002.778)	(9.156.120.562)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>32.820.680.399</b>	<b>35.014.988.991</b>
141	Hàng tồn kho	11	33.039.154.399	35.014.988.991
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11	(218.474.000)	-
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.884.664.618</b>	<b>5.513.533.232</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.937.617.277	492.145.644
152	Thuế GTGT được khấu trừ	17(a)	4.470.364.682	3.875.254.852
153	Thuế và các khoản khác phải thu ngân sách Nhà nước	17(a)	999.676.292	998.098.973
155	Tài sản ngắn hạn khác		477.006.367	148.033.763

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>353.403.151.683</b>	<b>286.377.351.051</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.681.027.985</b>	<b>5.776.054.000</b>
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8(b)	538.000.000	822.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	3.143.027.985	4.954.054.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>211.913.103.992</b>	<b>133.040.533.078</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	130.445.654.404	124.971.946.702
222	Nguyên giá		190.043.592.550	170.294.162.526
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.597.938.146)	(45.322.215.824)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	12(b)	73.714.731.040	-
225	Nguyên giá		76.919.719.342	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.204.988.302)	-
227	Tài sản cố định vô hình	12(c)	7.752.718.548	8.068.586.376
228	Nguyên giá		9.142.410.435	9.142.410.435
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.389.691.887)	(1.073.824.059)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>10.102.412.760</b>	<b>10.306.630.632</b>
231	Nguyên giá		32.478.913.051	32.478.913.051
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.376.500.291)	(22.172.282.419)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>124.210.210.349</b>	<b>131.571.397.243</b>
241	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	14	124.210.210.349	124.055.356.711
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	7.516.040.532
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		450.000.000	3.750.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(450.000.000)	(3.750.000.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.496.396.597</b>	<b>5.682.736.098</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.426.677.776	5.572.297.350
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		344.218.981	110.438.748
269	Lợi thế thương mại	15	1.725.499.840	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>870.407.683.279</b>	<b>872.939.522.514</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>306.962.341.399</b>	<b>327.981.013.936</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>219.387.272.054</b>	<b>211.708.776.674</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16(a)	73.040.637.958	21.467.523.157
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		471.887.048	50.240.904.187
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	17(b)	5.670.449.609	2.813.398.492
314	Phải trả người lao động		1.110.480.543	954.417.593
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.070.002.387	2.129.785.711
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	14.973.761.904
319	Phải trả ngắn hạn khác	19(a)	60.722.719.018	69.272.955.703
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20(a)	55.685.192.694	29.024.426.016
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	10.598.018.239	10.598.018.239
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	9.017.884.558	10.233.585.672
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>87.575.069.345</b>	<b>116.272.237.262</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	16(b)	18.469.359.841	70.711.355.907
337	Phải trả dài hạn khác	19(b)	25.532.932.461	33.734.639.855
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20(a)	43.229.732.793	11.530.000.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn		343.044.250	296.241.500
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>563.445.341.880</b>	<b>544.958.508.578</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>563.445.341.880</b>	<b>544.958.508.578</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	23, 24	386.299.880.000	276.099.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	23, 24	386.299.880.000	276.099.880.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	24	179.066.164.990	198.611.990.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	24	-	76.160.000.000
421	Lỗi lũy kế	24	(12.577.782.843)	(6.344.019.745)
421a	- Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối/(lỗi sau thuế) lũy kế của các năm trước		10.651.805.265	(15.003.376.362)
421b	- (Lỗi sau thuế)/LNST chưa phân phối năm nay		(23.229.588.108)	8.659.356.617
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	10.657.079.733	430.658.323
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>870.407.683.279</b>	<b>872.939.522.514</b>

Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập

Phạm Đình Hoàng  
Kế toán trưởng



Đoàn Ngọc Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 02 – DN/HN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	295.607.953.772	167.562.517.988
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		295.607.953.772	167.562.517.988
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(273.735.827.340)	(148.534.636.405)
20	Lợi nhuận gộp		21.872.126.432	19.027.881.583
21	Doanh thu hoạt động tài chính	29	4.209.626.653	44.190.820.873
22	Chi phí tài chính	30	(14.210.499.217)	(33.119.256.971)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.940.622.414)	(7.323.984.591)
25	Chi phí bán hàng	31	(5.687.421.477)	(6.508.520.862)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(28.443.552.884)	(23.987.743.082)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.259.720.493)	(396.818.459)
31	Thu nhập khác		827.821.119	27.049.173.137
32	Chi phí khác		(450.980.101)	(15.368.423.977)
40	Lợi nhuận khác	33	376.841.018	11.680.749.160
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.882.879.475)	11.283.930.701
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	(1.723.161.033)	(2.766.471.983)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34	233.780.233	100.695.185
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(23.372.260.275)	8.618.153.903
61	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	24	(23.229.588.108)	8.659.356.617
62	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	(142.672.167)	(41.202.714)
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(773)	331




Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập



Phạm Đình Hoàng  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Ngọc Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 03 – DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>01</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(21.882.879.475)</b>	<b>11.283.930.701</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư		18.622.505.324	9.558.853.506
03	Các khoản dự phòng		(3.695.683.234)	30.397.048.095
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(403.305.934)	80.420.716
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.851.591.706)	(36.788.601.396)
06	Chi phí lãi vay		6.940.622.414	7.323.984.591
<b>08</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(3.270.332.611)</b>	<b>21.855.636.213</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		86.908.299.146	(101.202.604.792)
10	Giảm hàng tồn kho		5.971.984.593	17.617.867.057
11	Giảm các khoản phải trả		(58.986.965.664)	(20.472.512.615)
12	Giảm chi phí trả trước		2.700.147.941	11.675.095.199
13	(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(25.691.453.800)	64.466.564.036
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.951.952.414)	(3.891.874.374)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.938.328.473)	(2.700.997.671)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	19.968.449.033
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.215.701.114)	(113.273.985)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.474.302.396)</b>	<b>7.202.348.101</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(70.704.150.629)	(25.660.503.783)
22	Thu từ thanh lý tài sản cố định		100.800.000	327.714.617
23	Chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(22.890.000.000)	(359.507.338.606)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		30.585.588.606	704.906.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(328.235.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		300.000.000	103.533.883.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.036.807.583	36.780.334.090
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(61.570.954.440)</b>	<b>132.145.089.318</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 03 – DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	39.402.708.840
32	Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(300.000.000)
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn		243.770.786.880	62.841.569.039
34	Chi trả nợ gốc vay		(148.321.171.975)	(152.288.938.129)
35	Chi trả nợ thuê tài chính		(37.089.115.434)	-
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu		-	(111.724.825.650)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>58.360.499.471</b>	<b>(162.069.485.900)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(5.684.757.365)</b>	<b>(22.722.048.481)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>14.332.533.838</b>	<b>37.053.944.950</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		403.305.934	637.369
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>9.051.082.407</b>	<b>14.332.533.838</b>




Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập



Phạm Đình Hoàng  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Ngọc Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

**Công ty**

Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (“Công ty”) được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1993. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được sửa đổi nhiều lần và sau đó được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần và các Giấy chứng nhận thay đổi số 0300590663 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là FDC theo Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 176/QĐ-SGDHCM ngày 25/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Tập đoàn**

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là xây dựng dân dụng, cho thuê và kinh doanh bất động sản; thiết kế chuyên dụng và thi công; sản xuất bao bì và sản phẩm từ nhựa.

Chu kỳ sản xuất và kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 244 nhân viên (2015: 355 nhân viên).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sau:

		<b>2016</b>	
	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Quyền sở hữu và quyền biểu quyết %</b>	<b>Vốn góp VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	Kinh doanh bất động sản và xây dựng	95	195.700.000.000
Công ty Cổ phần Bách Kinh	Sản xuất bao bì, sản phẩm từ nhựa và vật liệu xây dựng	100	109.141.440.000
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Đất Phúc	Dịch vụ thiết kế và thi công công trình dân dụng	100	54.274.140.000
			359.115.580.000

Trong năm 2015, Tập đoàn đã thoái vốn toàn bộ khỏi một công ty con, Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành (“Chơn Thành”). Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có khoản đầu tư vào công ty con.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con. Các nghiệp vụ và số dư nội bộ giữa Công ty và các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Do Tập đoàn đã thoái toàn bộ khoản vốn đầu tư vào Chơn Thành trong năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có khoản đầu tư vào công ty con, Tập đoàn không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Số liệu tương ứng của báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty và Chơn Thành từ ngày đầu năm đến thời điểm ngưng quyền kiểm soát của Công ty trong Chơn Thành, và hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con chịu sự kiểm soát chung từ ngày chịu sự kiểm soát chung.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

#### Các công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua các doanh nghiệp riêng biệt. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh giữa các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày chịu sự kiểm soát chung;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày chịu sự kiểm soát chung; và
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

#### Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyết kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.5 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm. Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

### **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### **2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### **2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.9 Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ hợp đồng tương ứng là doanh thu và chi phí. Tập đoàn sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm tài chính. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối kỳ. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

### **2.10 Đầu tư**

#### **(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán và các công cụ tài chính khác do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### **(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### 2.12 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

*Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê từ 15 đến 25 năm.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tổn thất bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.12 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **2.13 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn bao gồm các dự án bất động sản đang xây dựng để bán. Các dự án này được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa và xây dựng bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành dự án dân cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

### **2.14 Thuê tài sản**

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.16 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **2.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### **2.18 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **2.19 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

### **2.21 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trong trường hợp giá công bố tại ngày phát hành không đáng tin cậy khi công cụ vốn đó được giao dịch trên thị trường có ít giao dịch thì giá trị hợp lý của các công cụ vốn này có thể được xem xét và xác định trên cơ sở có bằng chứng rõ ràng hơn.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế): phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

### **2.22 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn phân chia lợi nhuận thuần như sau:

#### **(a) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.22 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)

#### (b) Chia cổ tức

Cổ tức được chia cho cổ đông của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

### 2.23 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo Thuyết minh 2.9.

#### (b) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### (c) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho khách hàng phần lớn những rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản đã được chuyển giao cho người mua.

#### (d) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### (e) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (f) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

#### (g) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

### 2.24 Giá vốn

Giá vốn của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo Thuyết minh 2.9.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

### 2.26 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.27 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

## **3 HỢP NHẤT KINH DOANH**

*Mua Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức (“Phúc Thịnh Đức”), công ty con mới.*

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý để nắm quyền kiểm soát Phúc Thịnh Đức và theo đó Phúc Thịnh Đức được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Phúc Thịnh Đức tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán để hợp nhất Phúc Thịnh Đức.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH****Mẫu số B 09 – DN/HN****3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Phúc Thịnh Đức tại ngày mua được trình bày như sau:

**Giá trị hợp lý được xác định  
tạm thời tại ngày mua  
VND**

**Tài sản**

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.579.939.290
Đầu tư tài chính ngắn hạn	300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	203.602.167.705
Hàng tồn kho	3.996.150.001
Tài sản ngắn hạn khác	310.579.182
Các khoản phải thu dài hạn	36.090.000
	<hr/>
	210.824.926.178
	<hr/> <hr/>

**Nợ phải trả**

Phải trả người bán ngắn hạn	(73.274.099)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(6.578.073.555)
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	(3.306.991)
Phải trả ngắn hạn khác	(188.400.000)
	<hr/>
	(6.843.054.645)
	<hr/>

**Tổng tài sản thuần****203.981.871.533**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (10.199.093.577)

Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 15) 1.917.222.044

**Giá phí hợp nhất kinh doanh****195.700.000.000**

**3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

*Hoán đổi cổ phiếu với các cổ đông của Đất Phúc và Bách Kinh, công ty con mới.*

Theo Nghị quyết số 00105/NQ/ĐHCD-2016 ngày 31 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Đất phúc (“Đất Phúc”) và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bách Kinh (“Bách Kinh”).

Vào ngày 11 tháng 10 năm 2016, Công ty đã phát hành 11.020.000 cổ phiếu (Thuyết minh 23) cho cổ đông của Đất Phúc và Bách Kinh và nắm giữ trực tiếp 100% vốn điều lệ của hai công ty này. Việc hợp nhất kinh doanh của Đất Phúc và Bách Kinh được hợp nhất theo phương pháp hợp nhất chịu sự kiểm soát chung.

Tài sản và nợ phải trả của Đất Phúc và Bách Kinh theo giá trị ghi sổ tại ngày hoán đổi như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày hoán đổi VND</b>
<b>Tài sản thuần</b>	
Tài sản thuần của Bách Kinh	60.003.960.477
Tài sản thuần của Đất Phúc	30.780.214.513
	<hr/>
	90.784.174.990
	<hr/>
<b>Giá phí hợp nhất kinh doanh</b>	
Giá phát hành cổ phiếu theo định giá	(163.285.580.000)
Chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch hoán đổi	(130.000.000)
	<hr/>
	(163.415.580.000)
	<hr/>
<b>Chênh lệch (Thuyết minh 24)</b>	<b>(72.631.405.010)</b>
	<hr/> <hr/>

Theo đó, Tập đoàn ghi nhận phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của Bách Kinh và Đất Phúc tại ngày hoán đổi vào phần vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	478.211.724	416.815.842
Tiền gửi ngân hàng	4.205.984.898	13.573.688.950
Các khoản tương đương tiền (*)	4.366.885.785	342.029.046
	<u>9.051.082.407</u>	<u>14.332.533.838</u>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba tháng với lãi suất được hưởng từ 4,8% đến 5,2% mỗi năm (2015: 5,1% mỗi năm).

**5 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	<b>2016</b>		<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b> <b>VND</b>	
<b>Chứng khoán niêm yết</b>			
TDH (*)	11.921.453.800	11.653.296.000	(268.157.800)
Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh	1.660.464	1.660.464	-
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>			
Thông Đức	212.300.000.000	(**)	-
	<u>224.223.114.264</u>		<u>(268.157.800)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn sở hữu 1.142.480 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (mã chứng khoán “TDH”) với giá trị sổ sách bình quân là 10.435 đồng/cổ phiếu. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào TDH được xác định dựa vào giá trị thị trường tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Toàn bộ cổ phiếu TDH đang được dùng thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long với hạn mức 6 tỷ đồng và chịu lãi suất 9,27%/năm (Thuyết minh 20(b)).

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thông Đức (“Thông Đức”) được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng đầu tư theo ước tính của Tổng Giám đốc.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã ký kết thỏa thuận nguyên tắc để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Thông Đức cho một bên thứ ba với thời gian cam kết thực hiện là 4 tháng. Tổng Giám đốc xác định rằng không có chênh lệch trọng yếu giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này, nên không trích lập dự phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chứng khoán kinh doanh bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh số tiền là 1.660.464 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Bên thứ ba:		
Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam	5.938.564.926	-
Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận 2 (Thuyết minh 10)	3.639.250.000	3.639.250.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Tân Đức	-	2.417.250.000
Công ty TNHH Lafarge Xi Măng	-	2.225.850.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	-	3.036.000.000
Khác	24.474.314.426	9.525.577.443
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	2.843.680.230	-
	<u>36.895.809.582</u>	<u>20.843.927.443</u>

**7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Công ty Cổ phần BĐS Dệt may Việt Nam (*)	102.760.000.000	-
Trả trước mua lại phần vốn góp vào Thông Đức (**)	-	198.530.000.000
Trả trước mua lại phần vốn góp vào Phúc Thịnh Đức (***)	-	127.205.000.000
Các khoản khác	2.277.487.352	65.879.552.964
	<u>105.037.487.352</u>	<u>391.614.552.964</u>

(\*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần BĐS Dệt may Việt Nam, công ty thành viên của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, để mua lại quyền sử dụng 14.680 m<sup>2</sup> tại số 146/2 đường Nam Hòa, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang Tập đoàn.

(\*\*) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý mua phần vốn góp Thông Đức và kết chuyển khoản trả trước này sang đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 5).

(\*\*\*) Trong năm 2016, Công ty đã thanh toán thêm 68,5 tỷ đồng cho khoản đầu tư vào Phúc Thịnh Đức (Thuyết minh 37(a)) và theo đó kết chuyển toàn bộ khoản đầu tư trị giá 195.700.000.000 đồng sang đầu tư vào công ty con trên cơ sở đã hoàn tất các thủ tục pháp lý và được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	2016 VND	2015 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	9.568.750.000	6.122.000.000
Bên thứ ba	-	13.164.338.606
	<u>9.568.750.000</u>	<u>19.286.338.606</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	<u>538.000.000</u>	<u>822.000.000</u>

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2016		2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi hộ (*)	85.495.006.270	-	-	-
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	6.300.000.000	-	-	-
Ứng trước cho đối tác kinh doanh	3.650.000.000	(3.650.000.000)	3.650.000.000	(3.650.000.000)
Phải thu từ thanh lý một dự án	-	-	74.000.000.000	-
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	-	-	21.660.000.000	-
Các khoản khác	2.469.475.592	(937.752.778)	9.800.756.487	(1.291.100.000)
	<u>97.914.481.862</u>	<u>(4.587.752.778)</u>	<u>109.110.756.487</u>	<u>(4.941.100.000)</u>

(\*) Khoản chi hộ cho Công ty Cổ phần Len Việt Nam, công ty thành viên của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng lô đất 14.680 m<sup>2</sup> đất tại số 146/2 đường Nam Hòa, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền này sẽ được trả lại cho Tập đoàn sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.

(b) Dài hạn

	2016		2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đặt cọc thuê nhà	2.577.704.000	-	4.926.054.000	-
Các khoản khác	565.323.985	-	28.000.000	-
	<u>3.143.027.985</u>	<u>-</u>	<u>4.954.054.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 NỢ XẤU

	2016			2015		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận 2 (Thuyết minh 6)	3.639.250.000	-	(3.639.250.000)	3.639.250.000	-	(3.639.250.000)
Công ty Xây dựng Tuần Châu	2.150.000.000	-	(2.150.000.000)	2.150.000.000	-	(2.150.000.000)
Công ty Liên doanh Phát triển Du lịch Quốc tế Phương Hoàng	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)
Khác	1.168.805.555	-	(937.752.778)	1.866.870.562	-	(1.291.100.000)
	<u>8.458.055.555</u>	<u>-</u>	<u>(8.227.002.778)</u>	<u>9.156.120.562</u>	<u>-</u>	<u>(9.156.120.562)</u>

11 HÀNG TỒN KHO

	2016		2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.183.385.752	(218.474.000)	25.789.922.120	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.561.698.898	-	4.974.167.427	-
Công cụ, dụng cụ	4.510.689.118	-	4.221.923.626	-
Thành phẩm	2.771.191.085	-	-	-
Hàng hóa	12.189.546	-	28.975.818	-
	<u>33.039.154.399</u>	<u>(218.474.000)</u>	<u>35.014.988.991</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

12	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
(a)	Tài sản cố định hữu hình					
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	39.915.658.824	127.207.935.756	1.741.572.582	1.428.995.364	170.294.162.526
	Mua trong năm	19.225.520.843	-	-	1.145.618.181	20.371.139.024
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(621.709.000)	(621.709.000)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	59.141.179.667	127.207.935.756	1.741.572.582	1.952.904.545	190.043.592.550
	<b>Khấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	9.862.297.361	32.935.631.925	1.608.254.383	916.032.155	45.322.215.824
	Khấu hao trong năm	3.747.161.810	10.861.640.544	96.098.476	192.530.492	14.897.431.322
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(621.709.000)	(621.709.000)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.609.459.171	43.797.272.469	1.704.352.859	486.853.647	59.597.938.146
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	30.053.361.463	94.272.303.831	133.318.199	512.963.209	124.971.946.702
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	45.531.720.496	83.410.663.287	37.219.723	1.466.050.898	130.445.654.404

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định (“TSCĐ”) của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 127,5 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 20(b)).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6,5 tỷ đồng (2015: 2,4 tỷ đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc, thiết bị  
VND

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Thuê mới trong năm

-  
76.919.719.342

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

76.919.719.342

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Khấu hao trong năm

-  
3.204.988.302

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.204.988.302

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

-  
73.714.731.040

Tài sản cố định thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có thời hạn thuê 60 tháng và chịu lãi suất trong 6 tháng đầu là 8,5%/năm. Tổng các khoản thanh toán tiền thuê tài chính được trình bày tại Thuyết minh 20(b).

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Tài sản cố định vô hình

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	804.195.525	8.338.214.910	<b>9.142.410.435</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	804.195.525	8.338.214.910	<b>9.142.410.435</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	356.737.569	717.086.490	<b>1.073.824.059</b>
Hao mòn trong năm	115.750.668	200.117.160	<b>315.867.828</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	472.488.237	917.203.650	<b>1.389.691.887</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	447.457.956	7.621.128.420	<b>8.068.586.376</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	331.707.288	7.421.011.260	<b>7.752.718.548</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, TSCĐ vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 7,4 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 20(b)).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 350 triệu đồng (2015: 0 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	26.001.367.597
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	22.172.282.419
Khấu hao trong năm	204.217.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	22.376.500.291
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.829.085.178
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.624.867.306

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 20,8 tỷ đồng.

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá có nguyên giá 6.477.545.454 đồng bao gồm quyền sử dụng đất thời hạn 20 năm từ năm 2013 có diện tích 11.414 m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất không thời hạn khác có diện tích 310 m<sup>2</sup> tại tỉnh Long An.

Do không có đủ các thông tin cần thiết, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 20(b)).

**14 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN**

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Dự án khu dân cư Cần Giờ (*)	76.320.475.917	76.200.120.461
Dự án khu dân cư Bình Trưng Đông (**)	47.866.084.432	47.855.236.250
Dự án khác	23.650.000	-
	124.210.210.349	124.055.356.711

**14 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN (tiếp theo)**

- (\*) Dự án xây dựng khu dân cư 31,8 ha tại Huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 2 năm 2002, Công ty ký một Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn để thực hiện dự án này nhưng không thành lập một pháp nhân mới. Tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 50%.

Chi phí của dự án này bao gồm chủ yếu là tiền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và 11 tỷ đồng chi phí lãi vay được vốn hóa.

- (\*\*) Dự án xây dựng khu dân cư trên 136,9 ha đất Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh do Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận làm chủ đầu tư với 14 đơn vị tham gia trong đó có Công ty.

Công ty đã ký kết một hợp đồng với Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận với thỏa thuận như sau:

- Công ty sẽ đóng góp kinh phí để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư Bình Trưng Đông.
- Sau đó, Công ty sẽ được quyền sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nội bộ của dự án thành phần và khai thác diện tích đất tương đương 5 ha.

Chi phí của dự án này bao gồm chủ yếu là tiền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và kinh phí đóng góp cho Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận.

**15 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	-	6.687.588.337
Tăng trong năm (Thuyết minh 3)	1.917.222.044	-
Phân bổ trong năm	(191.722.204)	(1.041.881.255)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(5.645.707.082)
Số dư cuối năm	<u>1.725.499.840</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2016 VND	2015 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Bên thứ ba:		
Starlinger & Co.Gesellschaft M.B.H	33.540.285.479	-
Khác	33.545.645.794	21.467.523.157
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	5.954.706.685	-
	<u>73.040.637.958</u>	<u>21.467.523.157</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Starlinger & Co.Gesellschaft M.B.H	18.469.359.841	64.756.649.222
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	-	5.954.706.685
	<u>18.469.359.841</u>	<u>70.711.355.907</u>

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(a) Phải thu

Thuế và các khoản phải thu từ ngân sách Nhà nước chủ yếu bao gồm thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào sẽ được hoàn lại phát sinh từ dự án Bình Trưng Đông (Thuyết minh 14) và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(b) Phải nộp

	2016 VND	2015 VND
Thuế GTGT	2.041.077.216	961.359.717
Thuế thu nhập cá nhân	197.466.539	141.938.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.481.905.854	1.697.073.294
Thuế khác	1.950.000.000	13.027.286
	<u>5.670.449.609</u>	<u>2.813.398.492</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lương tháng 13	1.448.631.576	1.451.519.743
Chi phí thuê văn phòng	857.934.000	285.978.000
Các khoản khác	763.436.811	392.287.968
	<u>3.070.002.387</u>	<u>2.129.785.711</u>

**19 PHẢI TRẢ KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Tiền đặt cọc của khách hàng mua dự án Bình Trưng Đông	54.931.147.276	54.931.147.276
Cổ tức phải trả (*)	717.526.573	717.526.573
Các khoản khác	5.074.045.169	13.624.281.854
	<u>60.722.719.018</u>	<u>69.272.955.703</u>

(\*) Biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	717.526.573	621.900.823
Cổ tức phải trả trong năm	-	111.820.451.400
Cổ tức đã chi trả	-	(111.724.825.650)
	<u>717.526.573</u>	<u>717.526.573</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

**(b) Dài hạn**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	14.255.328.970	-
Phải trả cho các cá nhân	10.079.142.000	32.738.328.970
Ký quỹ, ký cược	1.198.461.491	996.310.885
	<u>25.532.932.461</u>	<u>33.734.639.855</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

**20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính theo thời hạn**

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	2016		2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Vay ngân hàng (*)	33.254.681.770	33.254.681.770	20.498.826.016	20.498.826.016
Vay ngân hàng đến hạn trả	6.880.000.000	6.880.000.000	5.370.000.000	5.370.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	12.359.910.924	12.359.910.924	-	-
Khác	3.190.600.000	3.190.600.000	3.155.600.000	3.155.600.000
	<u>55.685.192.694</u>	<u>55.685.192.694</u>	<u>29.024.426.016</u>	<u>29.024.426.016</u>
<b>Dài hạn</b>				
Vay ngân hàng (*)	13.030.000.000	13.030.000.000	16.900.000.000	16.900.000.000
Nợ thuê tài chính	49.439.643.717	49.439.643.717	-	-
Trừ: vay ngân hàng đến hạn trả	(6.880.000.000)	(6.880.000.000)	(5.370.000.000)	(5.370.000.000)
Trừ: nợ thuê tài chính đến hạn trả	(12.359.910.924)	(12.359.910.924)	-	-
	<u>43.229.732.793</u>	<u>43.229.732.793</u>	<u>11.530.000.000</u>	<u>11.530.000.000</u>

**(b) Biến động của các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm**

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Vay ngân hàng (*)				
- Ngắn hạn	20.498.826.016	152.516.427.729	(139.760.571.975)	<b>33.254.681.770</b>
- Dài hạn	16.900.000.000	1.500.000.000	(5.370.000.000)	<b>13.030.000.000</b>
	<u>37.398.826.016</u>	<u>154.016.427.729</u>	<u>(145.130.571.975)</u>	<u><b>46.284.681.770</b></u>
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh 12(b))	-	86.528.759.151	(37.089.115.434)	<b>49.439.643.717</b>
Khác (**)	3.155.600.000	3.225.600.000	(3.190.600.000)	<b>3.190.600.000</b>
	<u>40.554.426.016</u>	<u>243.770.786.880</u>	<u>(185.410.287.409)</u>	<u><b>98.914.925.487</b></u>

**20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Biến động của các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Ngân hàng	Số dư vay VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
<b>Ngắn hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	29.199.080.678	Trong vòng một năm	Lãi suất theo từng khế ước	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	2.055.601.092	Trước tháng 7 năm 2017	7,2%/năm	Bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	2.000.000.000	Ngày 9 tháng 6 năm 2017	9,27%/năm	Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5)
	33.254.681.770			
<b>Dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	13.030.000.000	Trước tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi	TSCĐ (Thuyết minh 12)

(\*\*) Đây là khoản vay tín chấp từ bên thứ ba và không chịu lãi.

**21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền lãi có thể trả trên khoản thu được từ dự án Bình Trưng Đông theo ước tính của Tổng Giám đốc.

**22 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.233.585.672	10.472.321.272
Chi phúc lợi cho nhân viên	(1.240.786.562)	(263.735.600)
Khác	25.085.448	25.000.000
Số dư cuối năm	9.017.884.558	10.233.585.672



**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**23 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký, phát hành và đang lưu hành	<u>38.629.988</u>	<u>27.609.988</u>

**(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015		
và ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.609.988	276.099.880.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 24)	<u>11.020.000</u>	<u>110.200.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>38.629.988</u>	<u>386.299.880.000</u>

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 32 số 0300590663 ngày 24 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 386.299.880.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**24 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính VND		Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	276.099.880.000	198.611.990.000	-	44.293.456.364	(39.402.708.840)	66.417.605.520	-	-	546.020.223.044
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.659.356.617	(41.202.714)	-	8.618.153.903
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	996.487.510	-	(996.487.510)	-	-	-
Chuyển quỹ	-	-	-	(45.289.943.874)	-	45.289.943.874	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	39.402.708.840	-	-	-	39.402.708.840
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(111.820.451.400)	-	-	(111.820.451.400)
Tăng/(giảm) do hợp nhất kinh doanh	-	-	76.160.000.000	-	-	(13.893.986.846)	-	471.861.037	62.737.874.191
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	276.099.880.000	198.611.990.000	76.160.000.000	-	-	(6.344.019.745)	430.658.323	-	544.958.508.578
Vốn tăng trong năm (*)	110.200.000.000	53.085.580.000	-	-	-	-	-	-	163.285.580.000
(Giảm)/tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(72.631.405.010)	(76.160.000.000)	-	-	16.995.825.010	10.369.093.577	(142.672.167)	(121.426.486.423)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(23.229.588.108)	(142.672.167)	-	(23.372.260.275)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	386.299.880.000	179.066.164.990	-	-	-	(12.577.782.843)	10.657.079.733	-	563.445.341.880

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 00105/NQ/ĐHCD-2016 ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phát hành 11.020.000 cổ phiếu (Thuyết minh 23) trị giá 110.200.000.000 đồng vốn cổ phần (Thuyết minh 36) vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 để hoán đổi cổ phiếu của Đất phúc và cổ phiếu của Bách Kinh (Thuyết minh 3). Phần chênh lệch giữa giá phát hành theo định giá và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH****Mẫu số B 09 – DN/HN****25 (LỖ)/ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****(a) (Lỗ)/ lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số (lỗ)/ lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	(23.229.588.108)	8.569.356.617
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.055.522	26.151.451
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>(773)</u>	<u>331</u>

**(b) (Lỗ)/ lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tập đoàn không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 1.839 Đô la Mỹ (2015: 947 Đô la Mỹ).

**27 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Doanh thu từ hoạt động sản xuất bao bì	155.436.034.625	81.310.245.718
Doanh thu từ hoạt động thiết kế và thi công	103.862.248.042	47.032.470.778
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	28.219.760.871	-
Doanh thu từ hoạt động cho thuê	6.769.660.153	10.603.195.793
Doanh thu bán dự án bất động sản	-	554.400.000
Khác	1.320.250.081	28.062.205.699
	<u>295.607.953.772</u>	<u>167.562.517.988</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Giá vốn từ hoạt động sản xuất bao bì	155.019.253.940	76.213.443.924
Giá vốn từ hoạt động thiết kế và thi công	89.122.696.665	37.945.504.806
Giá vốn từ hợp đồng xây dựng	26.573.328.178	-
Giá vốn từ hoạt động cho thuê	3.020.548.557	7.106.435.362
Giá vốn bán dự án bất động sản	-	27.269.252.313
	<u>273.735.827.340</u>	<u>148.534.636.405</u>

**29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.707.416.460	15.030.433.622
Lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay	1.143.800.386	19.309.844.553
Cổ tức và lợi nhuận được chia	374.860	2.440.055.915
Khác	1.358.034.947	7.410.486.783
	<u>4.209.626.653</u>	<u>44.190.820.873</u>

**30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí lãi vay và thuê tài chính	6.940.622.414	7.323.984.591
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	3.900.000.000	12.123.893.874
Khác	3.369.876.803	13.671.378.506
	<u>14.210.499.217</u>	<u>33.119.256.971</u>

**31 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	1.346.474.154	917.990.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.680.120.775	949.529.781
Chi phí thuê đất	463.314.000	463.314.000
Khác	1.197.512.548	4.177.686.101
	<u>5.687.421.477</u>	<u>6.508.520.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	17.473.428.693	12.832.979.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.703.487.710	5.396.845.246
Chi phí khấu hao	458.646.120	479.788.842
Chi phí khác	2.807.990.361	4.890.243.770
Chi phí dự phòng	-	387.885.281
	<u>28.443.552.884</u>	<u>23.987.743.082</u>

33 LỢI NHUẬN KHÁC

	2016 VND	2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Nhận bồi thường hợp đồng	690.476.167	24.728.588.204
Thu nhập khác	137.344.952	2.320.584.933
	<u>827.821.119</u>	<u>27.049.173.137</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí bồi thường do vi phạm hợp đồng	(48.185.639)	(14.763.280.000)
Chi phí khác	(402.794.462)	(605.143.977)
	<u>(450.980.101)</u>	<u>(15.368.423.977)</u>
	<u>376.841.018</u>	<u>11.680.749.160</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**34 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Tập đoàn như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.882.879.475)	11.283.930.701
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	(4.376.575.895)	2.256.786.140
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(74.972)	(7.300.683.137)
Chi phí không được khấu trừ	390.399.097	302.721.473
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(99.174.828)	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (*)	5.283.096.860	908.562.819
Dự phòng (thừa)/thiếu của năm trước	241.255.179	946.137.293
Khác	50.455.359	5.552.252.210
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.489.380.800</u>	<u>2.665.776.798</u>
Trong đó:		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.723.161.033	2.766.471.983
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(233.780.233)	(100.695.185)
	<u>1.489.380.800</u>	<u>2.665.776.798</u>

(\*) Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế cho năm 2016 vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.778.714.668	76.213.443.924
Chi phí nhân công	49.976.040.321	13.750.970.923
Chi phí khấu hao	18.622.505.324	9.558.853.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.248.353.962	6.346.375.027
Chi phí giá vốn bất động sản	26.573.328.178	27.269.252.313
Chi phí khác	21.667.859.248	45.892.004.656
	<u>307.866.801.701</u>	<u>179.030.900.349</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

37 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
<b>vi) Nhận tiền vay trong năm</b>		
Các nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	34.364.420.950	-
<b>vii) Trả tiền vay trong năm</b>		
Các nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	20.109.091.980	-
<b>viii) Ứng trước và thanh toán để nhận chuyển nhượng vốn góp của các khoản đầu tư</b>		
Cổ đông lớn	46.865.000.000	234.674.000.000
Công ty con của cổ đông lớn	21.630.000.000	40.170.000.000
	<u>68.495.000.000</u>	<u>274.844.000.000</u>
<b>ix) Thanh lý các khoản đầu tư</b>		
Nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	6.300.000.000	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2016 VND	2015 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)</b>		
Cổ đông lớn	2.843.680.230	-
<b>Phải thu về cho vay (Thuyết minh 8)</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ đông lớn	4.500.000.000	-
Các nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	5.068.750.000	6.122.000.000
	<u>9.568.750.000</u>	<u>6.122.000.000</u>
<b>Dài hạn</b>		
Các nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	538.000.000	822.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

37 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))</i></b>		
Nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	6.300.000.000	-
<b><i>Phải trả người bán – Chơn Thành</i></b>		
Ngắn hạn (Thuyết minh 16(a))	5.954.706.685	-
Dài hạn (Thuyết minh 16(b))	-	5.954.706.685
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 19(b))</i></b>		
Các nhân sự quản lý chủ chốt trong Tập đoàn	14.255.328.970	-

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam, do đó Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Tập đoàn trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
<b>Tài sản bộ phận</b>		
Cho thuê và kinh doanh bất động sản	725.080.589.198	577.959.233.278
Dịch vụ thiết kế và thi công	48.252.866.569	59.857.040.639
Sản xuất bao bì	256.685.932.249	241.423.248.597
Xây lắp	205.988.950.745	-
	1.236.008.338.761	879.239.522.514
Loại trừ	(365.600.655.482)	(6.300.000.000)
	870.407.683.279	872.939.522.514
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>		
Cho thuê và kinh doanh bất động sản	86.954.954.019	92.595.558.013
Dịch vụ thiết kế và thi công	13.785.432.686	37.396.826.126
Sản xuất bao bì	212.919.779.945	197.988.629.797
Xây lắp	1.511.205.071	-
	315.171.371.721	327.981.013.936
Loại trừ	(8.209.030.322)	-
	306.962.341.399	327.981.013.936

**38 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Tập đoàn trình bày doanh thu và giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh trong Thuyết minh 27 và Thuyết minh 28.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành ngày 14 tháng 4 năm 2017.



Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập



Phạm Đình Hoàng  
Kế toán trưởng



Đoàn Ngọc Quang  
Tổng Giám đốc